

# NHẬN THỨC CỦA CÁC TÍN ĐỒ CÔNG GIÁO VỀ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

GS.TS. Vũ Dũng

*Viện Tâm lý học.*

## TÓM TẮT

*Kết quả khảo sát 980 tín đồ Công giáo của 9 xứ đạo tại 4 xã của Hà Nội và Ninh Bình cho thấy, hầu hết các tín đồ được khảo sát có biết về các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước. Tuy vậy, mức độ hiểu biết của các tín đồ về chủ trương, chính sách này ở mức độ trung bình, tức là các tín đồ đã biết những vấn đề cơ bản của các chính sách, song chưa thật sâu và đầy đủ. Trong 4 chính sách cụ thể được khảo sát thì chính sách có mức hiểu biết tốt nhất là "Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo ở Việt Nam". Hiểu biết về chính sách này của tín đồ ở mức độ khá. Các chính sách còn lại được tín đồ hiểu biết ở mức trung bình. Tuy vậy, không có chính sách nào được hiểu ở mức độ thấp.*

**Từ khóa:** Nhận thức; Chủ trương, chính sách; Tôn giáo tín ngưỡng; Tín đồ.

**Ngày nhận bài:** 26/6/2018; **Ngày duyệt đăng bài:** 25/7/2019.

### 1. Đặt vấn đề

Tôn giáo đã xuất hiện từ buổi bình minh của nhân loại. Nó tồn tại, song hành cùng với con người cho đến xã hội hiện đại ngày nay. Điều đáng chú ý là tôn giáo càng ngày càng phát triển, ăn sâu, bám rễ vào mọi tầng lớp xã hội. Theo ước tính, hiện nay có trên 75% dân số thế giới theo tôn giáo và theo dự báo, con số này còn tăng lên nữa trong những năm tới. Điều này đã nói lên sức mạnh của tôn giáo trong đời sống xã hội.

Ở Việt Nam, Công giáo là một trong những tôn giáo lớn, được truyền vào Việt Nam từ rất sớm. Từ những thập niên đầu thế kỷ XVI, ở Việt Nam đã có các giáo sỹ phương Tây đến truyền giáo. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử Công giáo đã lấy năm 1533 là thời điểm truyền đạo Công giáo vào Việt Nam. Năm 1550, linh mục Gaspar da Santa Cruz đến giảng đạo ở Hà Tiên (Kiên Giang). Năm 1558,

linh mục Luis de Fonseca, Gregiore de la Monte truyền giáo ở miền Trung. Năm 1583, linh mục Diego Doropesa, Pedro Ortiz đến truyền đạo ở vùng ven biển Quảng Ninh.

Từ năm 1615 - 1665, các giáo sỹ dòng Tên thuộc Bồ Đào Nha từ Ma cao Trung Quốc đến Đàng ngoài, Đàng trong nước ta truyền đạo. Họ thông thạo tiếng Việt, hoạt động khéo léo nên đã thu được kết quả khá tốt. Theo tài liệu của Giáo hội, sau 37 năm truyền giáo ở Đàng ngoài với 25 linh mục và 5 trợ sỹ và sau 50 năm truyền giáo ở Đàng trong với 39 linh mục, các giáo sỹ dòng Tên đã phát triển được khoảng 100.000 tín đồ (20.000 ở Đàng trong và 80.000 ở Đàng ngoài). Năm 1659, Giáo hoàng Alexander đã phong giám mục L. de la Motte cai quản Đàng trong và giám mục F. Pallu cai quản Đàng ngoài.

Đến giữa thế kỷ XIX, số tín đồ Công giáo ở nước ta đã tăng lên đáng kể. Năm 1644, tại Đàng trong có 100.000 tín đồ Công giáo. Nếu năm 1737, tại Đàng ngoài có 250.000 tín đồ Công giáo thì năm 1850, cả nước có 500.000 người theo đạo Công giáo, 227 linh mục. Theo thống kê của Giáo hội, năm 1960 cả nước có 2.096.540 giáo dân, 23 giám mục, 1.914 linh mục, 5.789 tu sỹ và 1.530 chủng sinh. Năm 1975, cả nước có 3,5 triệu giáo dân. Tính đến năm 2004, ở Việt Nam có 5,5 triệu tín đồ, 37 giám mục, 2.125 linh mục, 12.297 tu sỹ nam nữ của 60 dòng tu, 5.100 nhà thờ, nhà nguyện của 25 giáo phận và 2.100 giáo xứ, 6 đại chủng viện (Hà Nội, Vinh - Thanh, Huế, Sao Biển ở Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh, Thánh Quý ở Cần Thơ) với 1.085 chủng sinh đang theo học. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, các giáo dân, giáo sỹ và tu sỹ đã tham gia tích cực vào kháng chiến để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc. Một số tổ chức Công giáo yêu nước đã ra đời như: Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc (1955 - 1983); từ năm 1983 đến nay gọi là Ủy ban Đoàn kết Công giáo yêu nước Việt Nam (Nguyễn Thanh Xuân, 2005).

Trong các khía cạnh của đời sống tâm lý của tín đồ Công giáo thì nhận thức có vị trí quan trọng. Nhận thức là cơ sở cho hoạt động thực tiễn, là cơ sở và sự điều chỉnh hành vi của tín đồ trong hoạt động lao động sản xuất, cũng như hoạt động tôn giáo. Bài viết này phân tích về nhận thức của các tín đồ Công giáo về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước.

## **2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Khách thể nghiên cứu**

\* *Tổng số khách thể nghiên cứu:* 980 người.

- Tại thành phố Hà Nội: 501 người, chiếm 51,2%.

- Tại Ninh Bình: 479 người, chiếm 48,8%.

*\* Đặc điểm của khách thể điều tra*

Tỷ lệ tín đồ nữ được khảo sát cao hơn tín đồ nam, song không nhiều. Trình độ học vấn của các tín đồ khá tốt, đa số có trình độ học vấn từ cấp II trở lên. Độ tuổi của tín đồ từ 31 - 50 chiếm tỷ lệ cao nhất. Nghề nghiệp chủ yếu làm nông nghiệp và đa số có mức sống đủ ăn và khá giả.

*Bảng 1: Một số đặc điểm cơ bản của khách thể điều tra*

TT	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ %
<b>I. Giới tính</b>			
1	Nam	463	47,2
2	Nữ	517	52,8
<b>II. Trình độ học vấn</b>			
1	Cấp I	178	18,2
2	Cấp II	544	55,5
3	Cấp III	195	19,9
4	Trung cấp, cao đẳng, đại học	63	6,4
<b>III. Tuổi</b>			
1	Dưới 31 tuổi	320	32,6
2	31 - 50 tuổi	401	40,9
3	Trên 50 tuổi	259	27,5
<b>IV. Nghề nghiệp</b>			
1	Nông dân	875	89,3
2	Buôn bán, dịch vụ, lái xe	55	5,6
3	Cán bộ nhà nước	33	3,4
4	Công nhân	17	1,7
<b>V. Mức sống</b>			
1	Khá	78	8,0
2	Đủ ăn	736	75,1
3	Thiếu ăn	166	16,9

### \* Địa điểm khảo sát

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát tại Hà Nội và Ninh Bình. Tại Hà Nội, khảo sát 5 xứ đạo của 2 xã: Xứ đạo Làng Phùng Khoang, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm; 4 xứ đạo xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai: xứ đạo Thạch Bích, xứ đạo thôn Giữa, xứ đạo thôn Mùi, xứ đạo thôn Thượng. Tại Ninh Bình, khảo sát 2 xã của huyện Kim Sơn là xã Xuân Thiên, xã Văn Hải.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu tài liệu và thống kê toán học. Nghiên cứu đã thiết kế 2 bảng hỏi: Bảng hỏi số 1 dành cho tín đồ Công giáo; Bảng hỏi số 2 dành cho chức sắc tôn giáo; phiếu phỏng vấn sâu số 1 dành cho tín đồ và phiếu phỏng vấn sâu số 2 dành cho chức sắc tôn giáo.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Đánh giá chung thực trạng nhận thức của các tín đồ Công giáo về các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước

Thực trạng nhận thức của các tín đồ về các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước được phản ánh qua bảng số liệu sau:

*Bảng 2: Thực trạng nhận thức của tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước (số liệu tổng quát)*

TT	Thực trạng nhận thức	Số người trả lời	Tỷ lệ %
1	Có biết	871	88,9
2	Không biết	50	5,1
3	Khó trả lời	59	6,0
	<b>Tổng số</b>	<b>980</b>	<b>100,0</b>

Hầu hết các tín đồ được khảo sát có biết về các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước (chiếm 88,9%), chỉ có 5,1% số tín đồ không biết về các chính sách này và 6,0% cho là khó trả lời. Điều này cho thấy, đây là nhóm chính sách được các tín đồ quan tâm.

Nếu so sánh theo biến số giới tính, trình độ học vấn và tuổi ta được kết quả sau:

Số liệu khảo sát cho thấy, tỷ lệ ý kiến có biết về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước của nam tín đồ cao hơn nữ tín đồ

(89,9% so với 88,4%), tuy nhiên, sự khác biệt này là không đáng kể. Kiểm định Chi-square cho thấy  $\chi^2(1) = 9,34; p = 0,627 (> 0,05)$ , đồng nghĩa với việc không tồn tại mối quan hệ giữa nhận thức về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước và giới tính của tín đồ được khảo sát.

**Bảng 3: Thực trạng nhận thức của tín đồ (theo giới tính)**

TT	Thực trạng nhận thức		Nam	Nữ	Chung
1	Có biết	Số lượng	408	457	865
		Tỷ lệ %	89,9	88,4	89,1
2	Không biết	Số lượng	22	25	47
		Tỷ lệ %	4,8	4,8	4,8
3	Khó trả lời	Số lượng	24	35	59
		Tỷ lệ %	5,3	6,8	6,1
	Tổng	Số lượng	454	517	971
		Tỷ lệ %	100,0	100,0	100,0

**Bảng 4: Thực trạng nhận thức của tín đồ (theo trình độ học vấn)**

TT	Thực trạng nhận thức		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3 trở lên	Chung
1	Có biết	Số lượng	156	486	214	856
		Tỷ lệ %	87,6	89,3	89,2	89,0
2	Không biết	Số lượng	13	28	6	47
		Tỷ lệ %	7,3	5,1	2,5	4,9
3	Khó trả lời	Số lượng	9	30	20	59
		Tỷ lệ %	5,1	5,5	8,3	6,1
	Tổng	Số lượng	178	544	240	962
		Tỷ lệ %	100,0	100,0	100,0	100,0

Số liệu khảo sát cho thấy, những người có trình độ học vấn cấp 2 và cấp 3 có tỷ lệ ý kiến có biết về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước cao hơn những người có trình độ học vấn cấp 1 (89,3%;

### \* Địa điểm khảo sát

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát tại Hà Nội và Ninh Bình. Tại Hà Nội, khảo sát 5 xứ đạo của 2 xã: Xứ đạo Làng Phùng Khoang, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm; 4 xứ đạo xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai; xứ đạo Thạch Bích, xứ đạo thôn Giũa, xứ đạo thôn Mùi, xứ đạo thôn Thượng. Tại Ninh Bình, khảo sát 2 xã của huyện Kim Sơn là xã Xuân Thiên, xã Văn Hải.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu tài liệu và thống kê toán học. Nghiên cứu đã thiết kế 2 bảng hỏi: Bảng hỏi số 1 dành cho tín đồ Công giáo; Bảng hỏi số 2 dành cho chức sắc tôn giáo; phiếu phỏng vấn sâu số 1 dành cho tín đồ và phiếu phỏng vấn sâu số 2 dành cho chức sắc tôn giáo.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Đánh giá chung thực trạng nhận thức của các tín đồ Công giáo về các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước

Thực trạng nhận thức của các tín đồ về các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước được phản ánh qua bảng số liệu sau:

*Bảng 2: Thực trạng nhận thức của tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước (số liệu tổng quát)*

TT	Thực trạng nhận thức	Số người trả lời	Tỷ lệ %
1	Có biết	871	88,9
2	Không biết	50	5,1
3	Khó trả lời	59	6,0
	<b>Tổng số</b>	<b>980</b>	<b>100,0</b>

Hầu hết các tín đồ được khảo sát có biết về các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước (chiếm 88,9%), chỉ có 5,1% số tín đồ không biết về các chính sách này và 6,0% cho là khó trả lời. Điều này cho thấy, đây là nhóm chính sách được các tín đồ quan tâm.

Nếu so sánh theo biến số giới tính, trình độ học vấn và tuổi ta được kết quả sau:

Số liệu khảo sát cho thấy, tỷ lệ ý kiến có biết về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước của nam tín đồ cao hơn nữ tín đồ

(89,9% so với 88,4%), tuy nhiên, sự khác biệt này là không đáng kể. Kiểm định Chi-square cho thấy  $\chi^2(1) = 9,34; p = 0,627 (> 0,05)$ , đồng nghĩa với việc không tồn tại mối quan hệ giữa nhận thức về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước và giới tính của tín đồ được khảo sát.

**Bảng 3: Thực trạng nhận thức của tín đồ (theo giới tính)**

TT	Thực trạng nhận thức		Nam	Nữ	Chung
1	Có biết	Số lượng	408	457	865
		Tỷ lệ %	89,9	88,4	89,1
2	Không biết	Số lượng	22	25	47
		Tỷ lệ %	4,8	4,8	4,8
3	Khó trả lời	Số lượng	24	35	59
		Tỷ lệ %	5,3	6,8	6,1
	Tổng	Số lượng	454	517	971
		Tỷ lệ %	100,0	100,0	100,0

**Bảng 4: Thực trạng nhận thức của tín đồ (theo trình độ học vấn)**

TT	Thực trạng nhận thức		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3 trở lên	Chung
1	Có biết	Số lượng	156	486	214	856
		Tỷ lệ %	87,6	89,3	89,2	89,0
2	Không biết	Số lượng	13	28	6	47
		Tỷ lệ %	7,3	5,1	2,5	4,9
3	Khó trả lời	Số lượng	9	30	20	59
		Tỷ lệ %	5,1	5,5	8,3	6,1
	Tổng	Số lượng	178	544	240	962
		Tỷ lệ %	100,0	100,0	100,0	100,0

Số liệu khảo sát cho thấy, những người có trình độ học vấn cấp 2 và cấp 3 có tỷ lệ ý kiến có biết về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước cao hơn những người có trình độ học vấn cấp 1 (89,3%;

89,2% so với 87,6%). Sự khác biệt về nhận thức giữa các nhóm học vẫn là không đáng kể. Kiểm định Chi-square cho thấy  $\chi^2(1) = 7,61$ ;  $p = 0,107 (> 0,05)$ , đồng nghĩa với việc không tồn tại mối quan hệ giữa nhận thức và trình độ học vấn của tín đồ được khảo sát.

**Bảng 5: Thực trạng nhận thức của tín đồ (theo nhóm tuổi)**

TT	Thực trạng nhận thức		Có biết	Không biết	Khó trả lời	Chung
1	17 - 30 tuổi	Số lượng	80	9	19	108
		Tỷ lệ %	74,1	8,3	17,6	100,0
2	31 - 50 tuổi	Số lượng	357	19	25	401
		Tỷ lệ %	89,0	4,7	6,2	100,0
3	Trên 50 tuổi	Số lượng	413	22	15	450
		Tỷ lệ %	91,8	4,9	3,3	100,0
	Tổng	Số lượng	850	50	59	959
		Tỷ lệ %	88,6	5,2	6,2	100,0

Số liệu khảo sát tại bảng 4 cho thấy, những nhóm tuổi càng cao thì nhận thức về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước cao hơn những người của nhóm tuổi thấp. Tỷ lệ những người biết về chính sách này của nhóm tuổi trên 50 là 91,8%, trong khi đó, tỷ lệ này ở nhóm tuổi từ 31 - 50 là 89,0% và ở nhóm tuổi 17 - 30 là 74,1%. Sự khác biệt giữa nhóm tuổi trên 50 và nhóm tuổi 31 - 50 là không đáng kể, với nhóm tuổi 17 - 30 là khá lớn.

Số liệu Chi-square cho thấy  $\chi^2(1) = 43,16$ ;  $p < 0,001$ , đồng nghĩa với việc có tồn tại mối quan hệ giữa nhận thức về chủ trương, chính sách và tuổi của tín đồ được khảo sát. Nhóm tuổi từ 31 - 50 và nhóm tuổi trên 50 có xu hướng biết về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước nhiều hơn nhóm tuổi 17 - 30. Tỷ lệ ý kiến của nhóm tuổi trên 50 là 91,8%, vượt trội so với nhóm tuổi 17 - 30 (chiếm 74,1%). Nói cách khác, tuổi càng cao thì các tín đồ càng quan tâm nhiều hơn và hiểu biết về chủ trương, chính sách này tốt hơn.

Như vậy, khi so sánh theo biến số giới tính, trình độ học vấn và tuổi thì ta thấy, chỉ có biến số tuổi của các tín đồ có mối quan hệ với nhận thức về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước, còn biến số giới tính và trình độ học vấn không có mối quan hệ với nhận thức về chủ



trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước. Nói cách khác, dù nam hay nữ, dù trình độ học vấn thế nào thì nhận thức của các tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước vẫn như vậy.

### 3.2. Đánh giá chung mức độ nhận thức của các tín đồ Công giáo về các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước

Chúng ta hãy xem mức độ biết của các tín đồ đối với một số chính sách tôn giáo, tín ngưỡng lớn của Đảng và Nhà nước.

**Bảng 6:** Mức độ nhận thức của các tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước (theo các chính sách), (%)

TT	Các chính sách	Chính sách tự do tín ngưỡng	Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo ở Việt Nam	Chính sách tạo điều kiện cho các tôn giáo đóng góp vào sự phát triển đất nước	Chính sách đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo	Trung %
1	Không biết	4,1	1,4	3,0	2,5	3,4
2	Biết ít	9,1	7,5	8,6	13,1	9,4
3	Biết bình thường	46,2	46,8	46,0	44,1	45,6
4	Biết tương đối nhiều	18,5	20,3	19,5	20,0	19,4
5	Biết nhiều	21,4	23,3	22,2	19,6	21,5
6	Tổng số người trả lời được	99,3	99,3	99,3	99,3	99,3
7	Không trả lời được	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7

Ở đây, nghiên cứu khảo sát về 4 chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về tôn giáo và tín ngưỡng ở nước ta. Đó là chính sách tự do tín ngưỡng, chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo ở Việt Nam, chính sách tạo điều kiện cho các tôn giáo đóng góp vào sự phát triển đất nước, chính sách đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Kết quả khảo sát cho thấy, các tín đồ biết ở mức nhiều và tương đối nhiều chiếm 40,9%, biết ở mức trung bình là 45,6% và biết ít chỉ chiếm 9,4% số người được hỏi.

Để biết chính xác mức độ hiểu biết của các tín đồ chúng ta xem điểm trung bình hiểu biết về các chính sách này.

**Bảng 7: Điểm trung bình mức độ nhận thức của tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước**

TT	Các chính sách	ĐTB	ĐLC
1	Chính sách tự do tín ngưỡng	2,44	1,06
2	Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo ở Việt Nam	2,57	0,97
3	Chính sách tạo điều kiện cho các tôn giáo đóng góp vào sự phát triển đất nước	2,50	1,03
4	Chính sách đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo	2,41	1,03
	<b>Chung</b>	<b>2,48</b>	<b>1,01</b>

Ghi chú: 1) Mức độ cao: từ 3,6 - 4 điểm; 2) Mức độ khá: từ 2,6 - 3,5 điểm; 3) Mức độ trung bình: từ 1,6 - 2,5 điểm; 4) Mức độ thấp: từ 1 - 1,5 điểm.

Điểm trung bình chung cho cả 4 chính sách là 2,48 và độ lệch chuẩn là 1,01. Điều này cho thấy, các tín đồ hiểu biết về các chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước ở mức độ trung bình. Tức là các tín đồ đã biết những vấn đề cơ bản của các chính sách, song chưa thật sâu và đầy đủ.

Chính sách có mức hiểu biết tốt nhất là “Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo ở Việt Nam” với ĐTB = 2,57; ĐLC = 0,97. Chính sách này hiểu biết ở mức độ khá. Các chính sách còn lại được tín đồ hiểu biết ở mức trung bình (điểm trung bình ở mức dưới 2,50), tuy vậy, không có chính sách nào hiểu ở mức độ thấp.

Nếu so sánh theo một số biến số, ta có kết quả sau:

**Bảng 8: Điểm trung bình mức độ nhận thức của tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước (theo giới tính)**

TT	Các chính sách	Giới tính	Số lượng	ĐTB	ĐLC
1	Chính sách tự do tín ngưỡng	Nam	408	2,40	0,98
		Nữ	451	2,48	1,12
2	Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo	Nam	408	2,44	0,92
		Nữ	451	2,68	1,00
3	Chính sách tạo điều kiện cho các tôn giáo đóng góp vào sự phát triển đất nước	Nam	408	2,36	0,90
		Nữ	451	2,61	1,11

4	Chính sách đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo	Nam	408	2,31	0,93
		Nữ	451	2,50	1,10
	ĐTB chung thang đo về nhận thức	Nam	408	2,37	0,76
		Nữ	451	2,56	0,86

Ghi chú: 1) Mức độ cao: từ 3,6 - 4 điểm; 2) Mức độ khá: từ 2,6 - 3,5 điểm; 3) Mức độ trung bình: từ 1,6 - 2,5 điểm; 4) Mức độ thấp: từ 1 - 1,5 điểm.

Phân tích số liệu bảng 8 cho thấy, các tín đồ nữ có mức độ nhận thức về các chính sách cụ thể cao hơn các tín đồ nam. Kết quả phân tích t-test cho thấy, không có sự khác biệt về giới trong hiểu biết các chính sách cụ thể về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước. Điểm trung bình của nam tín đồ (ĐTB = 2,37) thấp hơn nữ tín đồ (ĐTB = 2,56). Sự khác biệt giữa hai nhóm này không có ý nghĩa thống kê khi  $t(-3,442) = 0,5857$ ;  $p = 0,557$ .

**Bảng 9:** Điểm trung bình mức độ nhận thức của tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước (Theo trình độ học vấn)

TT	Các chính sách	Trình độ học vấn	Số lượng	ĐTB	ĐLC
1	Chính sách tự do tín ngưỡng	Cấp 1	156	2,17	1,04
		Cấp 2	480	2,10	1,08
		Cấp 3 trở lên	214	2,50	0,92
		<b>Tổng</b>	<b>850</b>	<b>2,44</b>	<b>1,04</b>
2	Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo	Cấp 1	156	2,43	1,09
		Cấp 2	480	2,66	0,94
		Cấp 3 trở lên	214	2,40	0,89
		<b>Tổng</b>	<b>850</b>	<b>2,55</b>	<b>0,96</b>
3	Chính sách tạo điều kiện cho các tôn giáo đóng góp vào sự phát triển đất nước	Cấp 1	156	2,41	1,02
		Cấp 2	480	2,57	1,06
		Cấp 3 trở lên	214	2,31	0,86
		<b>Tổng</b>	<b>850</b>	<b>2,48</b>	<b>1,01</b>

4	Chính sách đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo	Cấp 1	156	2,10	0,99
		Cấp 2	480	2,47	1,05
		Cấp 3 trở lên	214	2,43	0,90
		<b>Tổng</b>	<b>850</b>	<b>2,39</b>	<b>1,01</b>
	ĐTB chung thang đo về nhận thức	Cấp 1	156	2,27	0,85
		Cấp 2	480	2,55	0,82
		Cấp 3 trở lên	214	2,40	0,74
		<b>Tổng</b>	<b>850</b>	<b>2,46</b>	<b>0,81</b>

Ghi chú: 1) Mức độ cao: từ 3,6 - 4 điểm; 2) Mức độ khá: từ 2,6 - 3,5 điểm; 3) Mức độ trung bình: từ 1,6 - 2,5 điểm; 4) Mức độ thấp: từ 1 - 1,5 điểm.

Số liệu khảo sát trên cho thấy, mức độ nhận thức của các tín đồ về các chính sách tôn giáo, tín ngưỡng cụ thể có sự khác biệt nhất định. Song, sự khác biệt này không đáng kể. Các tín đồ nhận thức về “Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo” tốt nhất với ĐTB = 2,55 và chính sách có mức nhận thức thấp nhất là “Chính sách đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo” với ĐTB = 2,39.

Nếu so sánh theo trình độ học vấn của các tín đồ, ta thấy, nhận thức của các tín đồ có trình độ học vấn khác nhau thì khác nhau. Các tín đồ có trình độ học vấn cao hơn thì nhận thức về các chính sách tốt hơn. Kết quả phân tích Anova cho thấy, trình độ học vấn có ảnh hưởng đến mức độ nhận thức về các chính sách cụ thể của các tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước khi  $F(2, 817) = 7,478$ ;  $p = 0,001$ . Nhóm tín đồ có trình độ học vấn từ cấp 2 trở lên có nhận thức tốt nhóm tín đồ có trình độ học vấn cấp 1 thể hiện ở ĐTB của nhóm cấp 2 là 2,55; ĐTB của nhóm cấp 3 trở lên là 2,40 trong khi ĐTB của nhóm cấp 1 là 2,27.

**Bảng 10:** Điểm trung bình mức độ nhận thức của tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước (theo nhóm tuổi)

TT	Các chính sách	Nhóm tuổi	Số lượng	ĐTB	ĐLC
1	Chính sách tự do tín ngưỡng	Từ 17 - 30 tuổi	80	2,64	0,815
		Từ 31 - 50	351	2,40	0,965
		Trên 50 tuổi	413	2,42	1,160
		<b>Tổng</b>	<b>844</b>	<b>2,43</b>	<b>1,054</b>

2	Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo	Từ 17 - 30 tuổi	80	2,41	0,774
		Từ 31 - 50	351	2,55	0,927
		Trên 50 tuổi	413	2,60	1,042
		<b>Tổng</b>	<b>844</b>	<b>2,56</b>	<b>0,973</b>
3	Chính sách tạo điều kiện cho các tôn giáo đóng góp vào sự phát triển đất nước	Từ 17 - 30 tuổi	80	2,31	0,836
		Từ 31 - 50	351	2,49	1,019
		Trên 50 tuổi	413	2,51	1,060
		<b>Tổng</b>	<b>844</b>	<b>2,48</b>	<b>1,024</b>
4	Chính sách đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo	Từ 17 - 30 tuổi	80	2,50	0,914
		Từ 31 - 50	351	2,38	1,026
		Trên 50 tuổi	413	2,46	1,022
		<b>Tổng</b>	<b>844</b>	<b>2,43</b>	<b>1,014</b>
	<b>ĐTB chung thang đo về nhận thức</b>	Từ 17 - 30 tuổi	80	2,46	0,739
		Từ 31 - 50	351	2,45	0,771
		Trên 50 tuổi	413	2,49	0,891
		<b>Tổng</b>	<b>844</b>	<b>2,47</b>	<b>0,828</b>

Ghi chú: 1) Mức độ cao: từ 3,6 - 4 điểm; 2) Mức độ khá: từ 2,6 - 3,5 điểm; 3) Mức độ trung bình: từ 1,6 - 2,5 điểm; 4) Mức độ thấp: từ 1 - 1,5 điểm.

Nếu so sánh theo các nhóm tuổi của các tín đồ được khảo sát cho thấy, nhận thức của tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước có sự khác nhau giữa các nhóm tuổi. Tuy vậy, sự khác biệt này là không đáng kể. Điều này cho thấy, các nhóm tuổi khác nhau đều có sự nhận thức về chính sách khá tương đồng nhau.

Kết quả phân tích Anova cho thấy, nhóm tuổi không ảnh hưởng đến mức độ nhận thức về các chính sách cụ thể của các tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước khi  $F(2, 841) = 0,214$ ;  $p = 0,807$ . Cụ thể là: “Chính sách tự do tín ngưỡng”:  $F(2, 841) = 1,740$ ;  $p = 0,176$ ; “Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo”:  $F(2, 841) = 1,207$ ;  $p = 0,300$ ; “Chính sách tạo điều kiện cho các tôn giáo đóng góp vào sự phát triển đất nước”:  $F(2, 841) = 1,212$ ;  $p = 0,298$ ; “Chính sách đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo”:  $F(2, 841) = 0,761$ ;  $p = 0,467$ .

**Bảng 11: Nguyên nhân hiểu biết của cộng đồng tín đồ Công giáo về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước**

TT	Nguyên nhân	Số lượt người trả lời	Tỷ lệ %
1	Thực tế của địa phương	509	33,9
2	Hoạt động tuyên truyền trên đài, tivi	586	39,1
3	Do cán bộ địa phương phổ biến	405	27,0

Nguyên nhân hiểu được các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước được các tín đồ đánh giá cao nhất là “Hoạt động tuyên truyền trên đài, tivi”, tiếp đến là nguyên nhân thực tế tình hình tôn giáo, tín ngưỡng ở địa phương và nguyên nhân ở vị trí thấp nhất là sự tuyên truyền, phổ biến của các cán bộ địa phương.

#### 4. Kết luận

Từ phân tích trên có thể rút ra một số nhận xét sau:

Nhận thức có vị trí quan trọng trong đời sống tâm lý của tín đồ Công giáo. Nhận thức là cơ sở cho hoạt động thực tiễn, là cơ sở và sự điều chỉnh hành vi của tín đồ trong hoạt động lao động sản xuất, cũng như hoạt động tôn giáo.

Hầu hết các tín đồ được khảo sát có biết về các chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước. Tuy vậy, mức độ hiểu biết của các tín đồ về chủ trương, chính sách này ở mức độ trung bình. Tức là các tín đồ đã biết những vấn đề cơ bản của các chính sách, song chưa thật sâu và đầy đủ. Trong 4 chính sách cụ thể được khảo sát thì chính sách có mức hiểu biết tốt nhất là “Chính sách hòa hợp và đoàn kết các tôn giáo ở Việt Nam”. Chính sách này được hiểu biết ở mức độ khá. Các chính sách còn lại được tín đồ hiểu biết ở mức trung bình. Tuy vậy, không có chính sách nào được hiểu ở mức độ thấp.

Số liệu Chi-square cho thấy, không tồn tại mối quan hệ giữa nhận thức về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước với giới tính, trình độ học vấn của tín đồ được khảo sát. Tuy vậy, có tồn tại mối quan hệ giữa nhận thức về chủ trương, chính sách và tuổi của tín đồ được khảo sát.

Về mức độ nhận thức chủ trương, chính sách của tín đồ, không có sự khác biệt về giới trong hiểu biết các chính sách cụ thể về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước. Trình độ học vấn có ảnh hưởng đến mức độ nhận thức về các chính sách cụ thể của các tín đồ về chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước, nhưng nhóm

tuổi không ảnh hưởng đến mức độ nhận thức về các chính sách cụ thể của các tín đồ.

### Tài liệu tham khảo

1. Jean Deveaux, Duy Mai Ân dịch (1992). *Đức tin của người Công giáo*. Thành phố Hồ Chí Minh. Ủy ban Đoàn kết Công giáo.
2. Vũ Dũng (2014). Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ: *Nghiên cứu những đặc điểm tâm lý cơ bản của tín đồ Công giáo ở nước ta*. Hà Nội.
3. Lê Đức Hạnh (2003). *Hành vi tôn giáo của tín đồ Công giáo qua điều tra xã hội học tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh 2002*. Đề tài cấp Viện.
4. Đỗ Quang Hưng (2003). *Những biểu hiện mới của vấn đề tôn giáo - dân tộc trong tình hình hiện nay (vài phân tích có tính chất phương pháp luận)*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo. Số 2.
5. Đinh Gia Khánh, Cù Huy Cận (1995). *Các vùng văn hóa Việt Nam*. Hà Nội.
6. Võ Kim Quyên (chủ biên, 1998). *Tôn giáo và đời sống hiện đại*. Tập 3. Viện Thông tin Khoa học xã hội. Viện Khoa học xã hội.
7. Siu 7. Woo Cheung (1998). *Thuyết thiên niên kỷ, những phong trào Thiên Chúa giáo và sự thay đổi tộc người Mèo tại Tây Nam Trung Quốc*. Người dịch Phan Tường Vân. Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
8. Nguyễn Thanh Xuân (2005). *Một số tôn giáo ở Việt Nam*. NXB Công giáo. Hà Nội.
9. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2000). *Vai trò của tôn giáo trong xây dựng nền văn hóa tiên tiến mang đậm đà bản sắc dân tộc thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở thủ đô*. Hà Nội.
10. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1993). *Những vấn đề tôn giáo hiện nay*. Hà Nội.